| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN S**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **26**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05/4/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Việt Cường**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Phạm Văn Vượng**.

2. Ông **Ma Quốc Thể**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Bùi Trần Thị Minh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông **Hoàng Hữu Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2323 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị T** – Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông **Nguyễn Bá S** – Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị T có quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Bá S trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Ông bà có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 11 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng nhau làm ăn sinh sống tại thôn P, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về lối sống và chuyện làm ăn kinh tế của gia đình. Bà T đã chuyển về sinh sống tại xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và vợ

chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Bá S, vợ chồng không thể quay về chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông S để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông S có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 25/8/1997 và anh Nguyễn Xuân T - sinh ngày 12/9/2004. Hiện nay các con chung của ông bà đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà T không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản lấy lời khai và biên bản làm việc với Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Bá S có quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Ông bà đăng ký kết hôn ngày 06/11/1996 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại thôn P, xã H. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2008 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà T đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang sinh sống. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Bà T đề nghị giải quyết ly hôn thì ông nhất trí ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà T có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 25/8/1997 và anh Nguyễn Xuân T - sinh ngày 12/9/2004. Hiện nay các con chung của ông bà đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông Nguyễn Bá S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của bà Bùi Thị T đối với ông Nguyễn Bá S.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Bá S ly hôn.

**3.** Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.**

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Bá S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà T khởi kiện về việc xin ly hôn với ông S. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Bá S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Bá S xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 06/11/1996 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế; mâu thuẫn đã sâu sắc; vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài. HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông S đã trầm trọng, không thể khắc phục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng đều xác định không còn tình cảm với nhau. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông S là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của các đương sự.

**[3] Về con chung:** Trong quá trình chung sống, bà T và ông S có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 25/8/1997 và anh Nguyễn Xuân T - sinh ngày 12/9/2004. Hiện nay các con chung của ông bà đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường, bà T và ông S không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

**[4] Về tài sản chung và công nợ:** Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

**[5] Về án phí:** Bà Bùi Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6] Quyền kháng cáo:** Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" của bà Bùi Thị T đối với ông Nguyễn Bá S.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Bá S ly hôn.

**3.** Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002582 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Bà Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí*).

**5.** Quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Bá S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện S;*
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *Chi cục THADS huyện S;*
- *Ủy ban nhân dân xã H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Cường**